

# NGOẠI THƯƠNG CỦA VIỆT NAM THẾ KỶ XIX: QUAN HỆ VỚI SINGAPORE

LI TANA\*

## 1. Giới thiệu

Triều đại nhà Nguyễn từ lâu vẫn bị coi là “phản động” nhất trong lịch sử Việt Nam, và thế kỷ XIX là giai đoạn thoái thời. Các nhà sử học, ở cả thời thuộc địa cũng như thuộc chủ nghĩa dân tộc của Việt Nam đều cho rằng Việt Nam hồi đầu thế kỷ XIX đã duy trì chính sách mở cửa đối với Khổng giáo, và rằng, nếu không bị áp lực của các thế lực bên ngoài, Việt Nam sẽ dừng lại và không thay đổi. Hơn nữa, còn cho rằng là chính sách này là nguồn gốc của sự kiệt quệ của Việt Nam hồi thế kỷ XIX<sup>1</sup>.

Tất nhiên là các quan điểm này đã được xem xét lại và đang dần dần được thay đổi<sup>2</sup>. Trong bài trình bày này, ý định của tôi là sẽ cung cấp một số số liệu đã từng có nhưng ít được các nhà chuyên môn của Việt Nam quan tâm nhằm xem xét sự thương giao giữa Singapore với Việt Nam hồi thế kỷ XIX. Theo quan điểm của tôi, nó thể hiện một số khía cạnh mới về quá khứ của Việt Nam vào nửa đầu thế kỷ XIX.

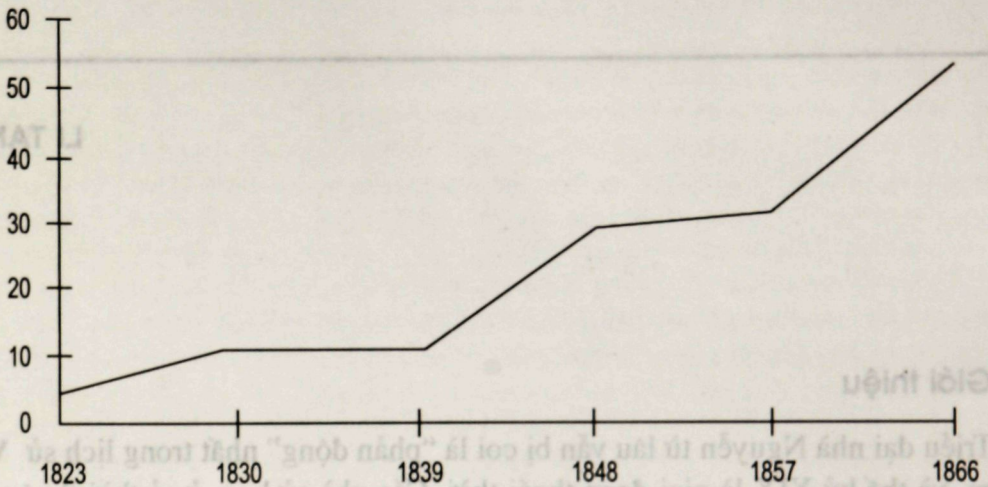
## 2. Sự tăng mạnh của hàng hải

Vào những năm 1810, khả năng xuất khẩu của Việt Nam là hạn chế bởi vì đất nước lúc đó đang đấu tranh để phục hồi do sự tàn phá của cuộc nội chiến

\* Tiến sĩ, Trường Đại học Tổng hợp Wollongong, Australia.

vào cuối thế kỷ XVIII. Tổng khối lượng hàng hóa hồi đầu những năm 20 của thế kỷ, theo đánh giá ước tính của Crawford năm 1823<sup>3</sup>, chưa đạt 30.000 tấn/năm. Tuy nhiên, vận tải hàng hải bắt đầu tăng đáng kể trong các thập kỷ tiếp theo. Chẳng hạn, thương mại của Việt Nam với Singapore vào năm 1823 đạt 40.000 tấn<sup>4</sup>. Con số này đã lên gấp đôi, đạt khoảng 100.000 tấn vào năm 1839, và đến năm 1847, đạt 310.000 tấn - tăng gấp 7 lần như biểu thị ở biểu đồ 1 (1000 tấn)<sup>5</sup>

**Biểu đồ 1. Buôn bán của Việt Nam với Singapore**



Sự tăng trưởng này thậm chí còn mạnh hơn nếu chúng ta tính đến một hướng buôn bán quan trọng nữa là xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Hoa trong cùng thời kỳ. Crawford ước tính rằng, năm 1823, xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Hoa vào khoảng 20.000 tấn /năm<sup>6</sup>, hoặc gấp khoảng 5 lần so với buôn bán với Singapore. Tỷ trọng này ít nhiều ổn định trong suốt thế kỷ XIX. Chẳng hạn, gạo của Việt Nam xuất sang Trung Hoa/Hong Kong trong giai đoạn 1866-1896 gấp 4,65 lần so với khối lượng xuất sang Singapore. Năm 1866, khối lượng gạo của Việt Nam xuất sang Trung Hoa/Hong Kong là 127.000 tấn, gấp 6,3 lần so với toàn bộ tỉ trọng thương mại Trung - Việt năm 1823<sup>7</sup>.

Tất cả các số liệu trên cho thấy tổng khối lượng xuất khẩu của Việt Nam đã tăng mạnh, từ 6 đến 7 lần, vào nửa đầu thế kỷ XIX. Sự tăng trưởng này đã tạo cho Việt Nam một vị thế khá thuận lợi về ngoại thương so với các nước láng giềng ở đại lục Đông Nam Á. Theo bản dưới đây, tuy buôn bán của Đàng Trong với Singapore năm 1825 chỉ bằng 1/4 so với buôn bán với Xiêm, đến năm 1845 đã đuổi kịp Xiêm<sup>8</sup>.

*Buôn bán của Singapore với Đại lục Đông Nam Á,  
1825 - 1865.<sup>9</sup> Tổng số phần trăm (tỷ USD)*

	1825 %	1845 %	1865 %
Miến Điện	-	11	33
Cam-pu-chia	-	-	2
Đàng Trong	21	46	23
Thái Lan	79	42	42
Tổng số (tỷ USD)	0,7	1,0	8,7

Tôi sẽ không phát triển sự thảo luận của mình sang các cơ sở kinh tế của sự tăng trưởng như vậy, nhưng các con số dưới đây sẽ cho phép chúng ta hình dung ra vấn đề. Chẳng hạn, khu vực đất canh tác của Việt Nam, từ 1820 đến 1847, đã tăng hơn 1/3<sup>10</sup>, và số lượng người đóng thuế cũng đã tăng với tốc độ gần như tương tự, từ 719.510 người (năm 1820) lên 1.024.388 người (năm 1840)<sup>11</sup>. Tất cả các số liệu trên thể hiện một sự tăng trưởng quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam hồi đầu thế kỷ XIX. Điều tôi muốn xem xét trong bài trình bày này là: Có điều gì mới trong sự tăng trưởng này ở đầu thế kỷ XIX?

### 3. Một hướng buôn bán mới

Không nghi ngờ gì, Trung Hoa vốn là thị trường quan trọng đối với xuất khẩu của Việt Nam trong nhiều thế kỷ. Ngay cả sự phát triển mới ở vùng đồng bằng sông Mê Kông trong thế kỷ XVIII và XIX cũng không phá vỡ mối quan hệ truyền thống đó. Chẳng hạn, năm 1809, một thương thuyền từ Amoy đã lập kỷ lục đến tận khu vực Đông Nai (Gia Định) hình như để buôn bán gạo. Kích thước của con thuyền này khá rộng, với 561 người trên thuyền<sup>12</sup>. Chắc hẳn là phải có một khối lượng buôn bán và thương mại đáng kể đã được trao đổi giữa Trung Hoa và Việt Nam vào thời kỳ này, thể hiện trong báo cáo của Tổng đốc Quảng Đông và Quảng Tây của Trung Hoa năm 1828. Theo ông ta, một tỷ lệ đáng chú ý từ 60 đến 70% tiền xu lưu hành ở Quảng Đông đang được tiêu ở Việt Nam<sup>13</sup>.

Tất nhiên là có nhiều hình thức buôn bán khác nhau trong suốt lịch sử của Việt Nam. Đàng Trong dưới các vua triều Nguyễn, từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX có các trao đổi buôn bán thường xuyên với các cảng khác của Đông Nam Á<sup>14</sup>.

Và trước khi nước Singapore thành lập, Việt Nam đã có những hoạt động thương mại thường xuyên, liên tục và tăng cường với các cảng của Đông Nam Á. Điều gì đã tạo nên sự thay đổi này?

Theo Giáo sư Nguyễn Đình Đầu tất cả mọi thứ bắt đầu từ một cái gì đó mới mẻ ở vùng châu thổ Mê Kông từ thế kỷ XVIII. Ông chỉ ra rằng, tuy gạo vốn vẫn

được sản xuất ở hầu hết những khu vực có người Việt Nam sinh sống, nhưng trước khi người Việt Nam chiếm được vùng đồng bằng Mê Kông, gạo chưa bao giờ được sản xuất trên phạm vi rộng lớn để xuất khẩu cả<sup>15</sup>. Việc giành được đồng bằng Mê Kông để sản xuất gạo vì mục đích kinh doanh chắc chắn là một trong những sự kiện mang tính động lực nhất ở vùng Đàng Trong hồi thế kỷ XVIII, và là một sự kiện quan trọng trong lịch sử Việt Nam. Có loại lương thực này cung cấp cho khu vực là yếu tố quan trọng đối với sự phát triển của vùng đồng bằng Mê Kông. Chính việc sản xuất ra và buôn bán lúa gạo mà Sài Gòn đã được hình thành và đã làm cho Nguyễn Ánh thắng được quân Tây Sơn<sup>16</sup>. Nhưng chắc chắn là việc sản xuất lúa gạo gặp khó khăn trong thời kỳ Tây Sơn, và chỉ phát triển trở lại vào thập kỷ đầu của thế kỷ XVIII.

Thời điểm này cũng trùng với sự kiện ra đời của nước Singapore năm 1819, nơi nhu cầu về lúa gạo ngày càng tăng để nuôi dân nhập cư và khu vực quần đảo. Việt Nam đã đáp ứng một cách tích cực đối với tình hình mới này và nhanh chóng làm cho mình trở nên quan trọng trong nền ngoại thương của Singapore. Theo quan sát của Crawfurd năm 1822, bạ hàng thương mại số 1 của Singapore là Xiêm, và thứ đến là Sài Gòn<sup>17</sup>. Vậy thì các loại hàng hoá từ Việt Nam là gì?

#### 4. Danh mục hàng mới: đường, muối và gạo

Nếu sự thịnh vượng của Hội An dựa trên trục tam giác thương mại Trung Hoa - Nhật Bản - Miền Trung Việt Nam, với các xa xỉ phẩm như gỗ mun, lụa và da dê, thì Sài Gòn được xây dựng trên quan hệ buôn bán rộng lớn hơn, với các nước Đông Nam Á láng giềng, đặc biệt là với Singapore, hầu hết là các mặt hàng như gạo, đường và muối.

Tình hình này có thể là nguyên nhân đưa đến sự thay đổi trong cơ cấu thương mại với các nước Đông Nam Á, bắt đầu vào thế kỷ XVIII<sup>18</sup>. Điều đó đã đặt người Việt Nam vào vị trí mà họ có thể bán được gạo, đường và muối với các nước Đông Nam Á láng giềng. Chúng ta hãy xem xét tình hình xuất khẩu của Việt Nam sang Singapore trên một số mặt hàng chủ yếu:

Các số liệu thống kê cho thấy, đường là sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Singapore hồi đầu thế kỷ XIX. Tuy nhiên, từ 1841 đến 1845, khối lượng gạo xuất khẩu đã tăng gấp 10 lần, và đến năm 1848 con số này lại tăng lên 2 lần. Số lúa gạo xuất khẩu này là đóng góp chủ yếu vào mức cao nhất. Gạo xuất khẩu tiếp tục tăng lên đến giá trị 300.448 \$ Tây ban nha, trong khi đó đường chưa bao giờ tăng lên đến mức 146.396 \$.

Một đặc điểm đáng chú ý của ngoại thương Việt Nam trong giai đoạn này là các sản phẩm chủ yếu - gạo, đường và muối - hầu như là chỉ riêng của khu vực

Đàng Trong. Đàng Ngoài hay phía Bắc chỉ có các sản phẩm chính như lụa và quế, nhưng cả hai đều không chiếm vị trí quan trọng trong buôn bán giữa hai nước. Buôn bán của Việt Nam với Singapore: gạo là mặt hàng quan trọng nhất, là khởi điểm quan trọng của trật tự kinh tế Việt Nam và loại hình thương mại của nước này. Đó cũng là cánh cửa mới mở ra thế giới bên ngoài đối với các quan chức thời Nguyễn - vấn đề sẽ được bàn luận ở phần dưới.

## 5. Đại lý mới trong quan hệ thương mại Việt Nam - Singapore

Báo cáo năm 1823 của Crawford nói đến một đại lý thương mại nổi bật nhất trong quan hệ thương mại Việt Nam - Singapore như sau:

*Đặc biệt là các tàu hàng, tôi phải nói rằng chúng cập bến hàng năm, và trong 3 năm gần đây, ở thủ phủ của Đàng Trong, có 1 chiếc tàu buôn đã đem đến nhiều vật phẩm cho vua Đàng Trong, người tuy có thành kiến với Trung Hoa, nhưng mới đây đã trở nên quan tâm đến các chi tiết và lợi nhuận trong buôn bán<sup>19</sup>.*

Ngoài chứng cứ trên chúng tỏ triều đình nhà Nguyễn đã có quan hệ thương giao hàng năm với Singapore hồi đầu những năm 1820, còn có những bằng chứng khác được phát hiện ở *Châu bản* (tài liệu nguyên bản) của triều Nguyễn, về tàu buôn của hoàng gia. Một chiếc tàu của hoàng gia được nêu là đã buôn bán đến Hà Châu<sup>20</sup> vào năm 1824<sup>21</sup>, và 4 chiếc khác vào năm 1825, từ Batavia và Singapore<sup>22</sup>. Theo một báo cáo chính thức của Singapore năm 1846, thương mại của Hoàng gia có lẽ đã diễn ra tương đối thường xuyên trong những năm 1840: "Giữa Đàng Trong và Singapore có một thuận lợi lớn trong năm 1845 - 46 ... trong năm đó, có 5 tàu, chất đầy hàng, tương đương với 2.400 tấn, của vua Đàng Trong, đã cập bến..."<sup>23</sup>.

Các mặt hàng chủ yếu của thương mại Hoàng gia có lẽ là đường, ít nhất là sản phẩm này trong những năm 1820. Trong một tài liệu *Châu bản* năm 1824 ghi lại rằng, có 536 *piculs* (32.216 kg) đường không bán được trên con tàu của Hoàng gia trở về từ Hà Châu<sup>24</sup>. Mặt hàng này, cũng theo *Châu bản*, đã được các sĩ quan nhà Nguyễn mua trước của dân ở Quảng Ngãi và Quảng Nam với số lượng lên đến 3.400 *piculs*/năm<sup>25</sup>. Có cơ sở để giả định rằng, nếu 536 *piculs* hàng phải để lại trên tàu trong trường hợp trên thì mỗi năm có ít nhất 1.000 *piculs* hàng hoá được chở sang Singapore bằng tàu của Hoàng gia. Và đường của Việt Nam bán sang Singapore năm 1830 phải ở mức 1.300 *piculs*/năm<sup>26</sup>. Điều đó khiến cho triều Nguyễn trở thành bạn hàng quan trọng, nếu không nói là chủ yếu, trong buôn bán đường với Singapore trong giai đoạn những năm 1820 - 1830. Nói cách khác, triều Nguyễn là một đại lý tích cực trong buôn bán đường, trong thu nhập các loại sản phẩm thô trong nước đem bán ra nước ngoài.

Đường mà triều đình nhà Nguyễn đã bán sang Singapore được cho là mặt hàng độc quyền. Điều này đã làm cho triều Nguyễn mang những đặc điểm giống như các đặc điểm của các triều vua Xiêm ở Bangkok, nhưng lại khác xa so với các triều vua Trung Hoa ở Bắc Kinh. Có nhiều báo cáo về buôn bán của triều Nguyễn với các hải cảng khác ở Châu Á đã củng cố cho giả định này. Các báo cáo đó cho rằng: “Vua Đàng Trong mua đường ở trong nước từ các thân dân với giá ép, và chở sang Quảng Đông, Batavia và Singapore bằng các tàu có 5 khoang và các tàu hơi nước”<sup>27</sup>.

Với số tiền thu được chủ yếu từ đường, nhà Nguyễn đã mua những gì từ Singapore? Tôi vẫn chưa tìm thấy các loại hàng hóa đem về trong buôn bán của Hoàng gia ghi trong *Châu bản*, nhưng trong các hồ sơ của Singapore có xu hướng cho rằng vải bông là mặt hàng xuất khẩu của nước này sang Việt Nam. Bình quân hàng năm từ 1840 - 44, bông chiếm 22% trong số hàng trở về Việt Nam, chỉ sau thuốc phiện (chiếm 59%)<sup>28</sup>. Tôi cho rằng phần lớn số hàng nhập khẩu của Hoàng gia này là để trang bị quần áo cho quân đội Hoàng gia. Và đây là nhận xét của Crawford năm 1822: “Quân đội gồm khoảng 40.000 binh lính ăn mặc đồng phục bằng vải rộng của Anh may theo kiểu sĩ quan châu Âu”<sup>29</sup>. Và do vậy, theo Wade, một sĩ quan của quân đội Anh quốc đã được điều sang Việt Nam năm 1855: “Các binh lính và sĩ quan cấp thấp ăn mặc quân phục nhà binh theo kiểu Nga hoặc kiểu Anh”<sup>30</sup>. Tuy nhiên, vải của Anh có thể đã được du nhập từ hai hướng: trong những năm 1820, có thể từ Quảng Đông<sup>31</sup>, và trong những năm 1840, có thể từ Singapore sang.

Đây, một lần nữa, lại là một điều mới trong việc trang phục cho quân của triều đình bằng vải của Anh. Khác với các nước Đông Nam Á, Việt Nam chưa bao giờ là thị trường lớn của vải Ấn Độ trong “Kỷ nguyên buôn bán”. Rõ ràng là lụa đã được dùng để may quần áo cho quân đội của các triều vua nhà Nguyễn trong thế kỷ XVII và XVIII<sup>32</sup>. Có lẽ, việc sử dụng vải của Anh quốc để may quân phục cho quân lính của triều Nguyễn bắt đầu từ thời Nguyễn Ánh vào đầu thế kỷ XIX hoặc sớm hơn, nhưng điều mà chúng ta thấy ở đây là trong suốt nửa đầu của thế kỷ XIX, quân đội của Việt Nam lại mặc trang phục may bằng vải của Anh điều không phù hợp lắm với tính chất “đóng cửa” của triều đại nhà Nguyễn.

Chắc chắn là có một số hàng xa xỉ đã được các tàu của Hoàng gia mang về. Trong tác phẩm nhan đề *Việt Nam và một Trung Hoa*, Woodside đã lập luận để thấy một hiện tượng là các sản phẩm phương Tây đã “xâm nhập dần trong toàn xã hội dưới triều Nguyễn, và vào cả trong ngai vàng” như thế nào. Ông chỉ ra rằng, trong khi vào những năm 1820, hàng tiêu dùng Trung Quốc chiếm vị trí thống trị trong các “quà tặng” của triều đình Huế thì đến những năm 1830, hàng phương Tây đã chiếm vị trí quan trọng hơn<sup>33</sup>.

Hướng buôn bán chính thức của Việt Nam với Singapore có lẽ cũng bắt nguồn từ những lo sợ của Triều đình nhà Nguyễn về thái độ cứng rắn của triều đình Trung Hoa đối với lệ cống nạp của Việt Nam. Cống nạp được mọi người biết rõ là hình thức buôn bán được nguy trang giữa các nước Đông Nam Á với Trung Hoa, và đối với Việt Nam, hình thức này vốn thường được thực hiện bằng đường bộ. Tuy nhiên, năm 1829, sứ giả của nhà Nguyễn xin phép được chuyển hàng cống nạp bằng đường biển chứ không phải bằng đường bộ – một sự thay đổi so với truyền thống. Rõ ràng, đây là cách thực hiện dễ dàng và hiệu quả hơn nhiều bởi triều Nguyễn đóng đô ở Huế, chứ không còn ở Hà Nội, nơi các triều đại trước đã đóng đô. Tuy nhiên, lời thỉnh cầu này đã nhận được sự khước từ lạnh lùng của vua nhà Thanh, người luôn muốn rằng sứ giả của Việt Nam phải đi theo tuyến đường bộ dài và vất vả để đến biên giới Quảng Tây<sup>34</sup>.

Điều này chắc đã khuyến khích triều Nguyễn phát triển quan hệ buôn bán của mình sang các hướng khác. Đoạn văn về Việt Nam, do Lãnh sự thường trú của Toàn quyền của Hoàng tử đảo Wales năm 1845 viết:

*Các quan lại hàng năm thăm viếng Singapore bằng tàu của nhà vua, đã trở nên quen thuộc hơn với chúng tôi, họ trở về đất nước với các thông tin xác thực thu lượm được để truyền đạt lại về uy tín..... Tôi cũng ghi lại rằng, một số thông dịch viên trên tàu của nhà vua là những chàng trai trẻ đã được hướng dẫn và được dạy tiếng Anh ở Học viện Singapore, hiện có 3 người đang học theo học bổng<sup>35</sup>.*

Tuy còn câu hỏi đặt ra là tất cả các nhân tố trên đã đạt đến mức nào để giúp thay đổi được quan điểm lâu đời của Việt Nam về thế giới do Trung Hoa làm trung tâm<sup>36</sup>, quan hệ của Việt Nam với Singapore chắc chắn đã bao hàm một cái gì đó mới. Tôi xin được kết thúc bài trình bày bằng việc xem xét qua các nhân tố mới này và ý nghĩa của chúng.

Thứ nhất, quan hệ của Việt Nam với Singapore gợi nên sự quan tâm mới nghiêm túc về một hướng mới. Từ trước đến giờ, chúng tôi chưa bao giờ thấy, trong lịch sử hàng ngàn năm của Việt Nam, các triều vua lại có những nỗ lực có hệ thống như triều Nguyễn trong việc duy trì quan hệ buôn bán với các nước Đông Nam Á. Điều này đi liền với quan hệ buôn bán với Trung Hoa, nhưng chắc chắn là theo hướng mới. Thứ hai, tính chất của xu hướng mới này nổi lên trong tư duy của nhà Nguyễn về vị trí địa lý của một nước Việt Nam thống nhất, chưa từng có trong lịch sử Việt Nam, hiện nay có chung biên giới với Trung Quốc và vịnh Thái Lan. Việc mở mang lãnh thổ của Việt Nam xuống phía Nam kết thúc với sự hình thành của hình chữ S, và đánh dấu sự hội nhập với vùng Đông Nam Á rộng lớn. Điều này làm cho Việt Nam trở thành một thực thể mới, không thể tránh khỏi tạo nên cho đất nước này một cái nhìn mới. Tuy nhiên, cái nhìn mới này có lẽ không nhất thiết tiêu biểu cho một tư tưởng mở cửa tự do hơn của các

triều đại nhà Nguyễn. Có lẽ một phần bắt nguồn từ việc xem xét một cách nghiêm túc về các cuộc cạnh tranh gay gắt giữa Việt Nam và Xiêm trong vùng, mà bản thân nó là sản phẩm của vùng lãnh thổ mới của Việt Nam<sup>37</sup>. Thứ ba, có khả năng và quan trọng hơn, tôi không đưa ra quan điểm “Đại Việt” ở đây<sup>38</sup>. Địa hình khu vực, các sản phẩm và mức độ dồi dào của các sản phẩm này là những điểm tạo nên sự khác biệt như ta đã xem xét trong danh mục buôn bán giữa Việt Nam và Singapore ở phần trên. Đọc *Châu bản* người ta có thể thấy rõ ràng rằng có những phát biểu khác nhau về các nhãn quan thế giới ở các thời đại khác nhau, và chúng phức tạp hơn nhiều so với lập luận về chính sách “mở cửa hay đóng cửa”. Khi tư duy theo hướng này, tôi ngày càng cảm thấy rằng cần tập trung hơn vào các vấn đề liên quan đến thời gian và địa điểm để xem xét lãnh thổ địa lý mới của Việt Nam và tính cấp thiết ngày càng tăng của nửa đầu thế kỷ XIX có liên quan với nhau như thế nào trong việc đưa đến sự hình thành của các phương cách hoạt động của triều Nguyễn. Tôi hy vọng rằng, quan hệ với Singapore là hướng có ích trong nỗ lực nghiên cứu này.

#### CHÚ THÍCH

1. Theo một lập luận có hệ thống đối với quan điểm thông thường và theo cách giải thích mới về các nhà nước Đông Nam Á thời kỳ tiền thuộc địa, xem Anthony Reid và Carl Trocki, *Quan điểm mới nhất về các Nhà nước Tự trị ở ĐNA và Triều Tiên, 1750-1870 : Các vấn đề, các khả năng, và một dự án*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Á, Tập 17, Số 2, 11/1993.
2. Chẳng hạn, công trình nghiên cứu của Viện Khoa học xã hội TP HCM về *Những vấn đề văn hóa xã hội thời Nguyễn*, Báo chí TPHCM, 1992.
3. Crawford, *Tạp chí của một Sĩ quan gửi cho Toà án của Xiêm và Đàng Trong*, Trường Đại học Oxford, 1987, tr. 513.
4. Crawford, *Tạp chí*, tr. 513.
5. Wong LinKen, *Singapore: Tăng trưởng quốc gia như ở Cảng Rutupot, 1819 - 1914*, Tạp chí Nghiên cứu ĐNA, Số 9, 1978, tr. 61.
6. Crawford, tr. 513.
7. Norman Owen, *Nghề trồng lúa ở ĐNA 1850 - 1914*, Tạp chí của Xiêm, Tập 59, Phần 2, tr. 102
8. Anthony Reid chỉ ra rằng, Wong Lin Ken có thể đã đánh giá thấp buôn bán của Xiêm với Singapore thời đó. Xem Anthony Reid, *Giai đoạn mới của sự mở mang thương mại. Quan điểm mới nhất của các nền tự trị châu Á : Lý giải về tình hiện đại của các nhà nước ĐNA và Triều Tiên, 1750 - 1900* (New York : Nxb MacMillan, 1997), tr.69.
9. Wong Lin Ken, *Singapore: Sự tăng trưởng*, tr. 55
10. Huỳnh Lúa, *Nhìn lại thực trạng kinh tế nước ta trong nửa đầu thế kỷ XIX trong Những vấn đề văn hoá xã hội thời Nguyễn*, tr. 118.
11. Nguyễn Thế Anh, *Kinh tế và xã hội dưới các vua triều Nguyễn* (Sài Gòn : Lúa Thiêng, 1971), tr. 26.
12. Con thuyền này đã bị vỡ ở gần Quần đảo Hoàng Sa (Tây Sa) và được một con tàu của Anh cứu. Trích từ *Ngoại thương Giai đoạn Trung triều Thanh, 1727 - 1833*.
13. *Tài liệu lịch sử thời Minh - Thanh* : Tập G, (Đài Bắc : Học viện Sinica, 1960), tập 3.



14. Xem Li Tana, *Thời Nguyễn Đàng Trong* : Nam VN Thế kỷ XVII và XVIII (Ithaca : Cornell SEAP, 1974) Chương 4; Buôn bán Đàng Trong và Hà Tiên với Melake cuối Thế kỷ 18, xem Anthony Reid Giai đoạn mới của sự mở mang Thương mại. *Quan điểm mới nhất của các nền tự trị châu Á : Lý giải về Tình hiện đại của các nhà nước Đông Nam Á và Triều Tiên, 1750 - 1900* (New York : Nxb MacMillan, 1997), tr.64.
15. Nguyễn Đình Đầu, *Địa lý Lịch sử TP HCM*, trong Trần Văn Giàu *Địa chí văn hoá TP HCM*, Nxb TP HCM, 1987 tr. 160 - 161.
16. Li Tana, *Buôn bán lúa gạo của Đồng bằng Mê Kông thế kỷ XVII-XIX và ý nghĩa, Kỳ yếu Hội thảo Quốc tế về Thái Lan và các nước láng giềng: Việt Nam, Campuchia và Lào.*
17. Crawford, *Tạp chí*, tr. 542.
18. Victor Lieberman, *Hội nhập khu vực và những điểm tương đồng Âu - Á : Xây dựng lịch sử ĐNA, giai đoạn 1350 - 1830, Các nghiên cứu mới về Châu Á*, tập 27, số 3/1993, tr. 491.
19. Crawford, *Tạp chí*, tr. 541 - 542.
20. Một từ nghĩa Fujianese của vùng quần đảo, nhà Nguyễn dùng từ này để chỉ Batavia và đặc biệt là Singapore.
21. *Châu bản triều Nguyễn* , Minh Mạng năm thứ 5 (1824) tháng 8 - 12. Microfilm lưu giữ tại Thư viện ANU.
22. *Châu Bản Triều Nguyễn*, Minh Mạng năm thứ 6 (1825), tháng 1 - 5. Các số liệu này có thể hỗ trợ cho danh mục 17 tàu buôn Hoàng gia cập bến Batavia và Singapore từ 1791 đến 1847 (do Giáo sư Chen Chingho đưa ra). Xem Cheng Chingho, *Về các phái bộ Hà Châu được thực hiện vào thời kỳ đầu của Triều Nguyễn, Tạp chí của Viện Nghiên cứu Châu Á* (ĐH TH Soka), Tokyo, Tháng 3, Số 11, trích từ Phan Huy Lê, Claudine Salmon & Tạ Trọng Hiệp, Tran & intrd. *Hải trình chí lược* (1833), (Pa-ri, 1994) tr. 127.
23. *Thư của Lãnh sự thường trú, 30/6/1846. Thông báo về Phân loại thương mại và vận tải biển* , 1846, tr. 70.
24. *Châu bản triều Nguyễn*, Minh Mạng năm thứ 5 (1824), 28 tháng 8
25. *Châu bản triều Nguyễn*, Minh Mạng năm thứ 1 (1820) đến năm thứ 6 (1825), giá đường năm 1820 là 12 quan /tạ, và giảm xuống từ 7 -8 quan/tạ trong năm 1824.
26. Một số lượng đường trị giá 8.500 \$ Tây Ban Nha được chuyển sang từ Đàng Trong trong thời gian 1830 - 31. Xem *Bản tin hàng ngày của Singapore*: Thứ 5/ 21/7/1831, Số 29. Điều đó có nghĩa là không đến 1.300 piculs đường, với giá 6,50 đô-la/picul là loại chất lượng cao nhất. Xem, Crawford, *Tạp chí*, tr. 544.
27. “Thư của Lãnh sự thường trú gửi Toàn quyền vùng Định cư eo biển, 19/11/1844; 15/9/1852; 25/2/1855. Trích từ Wong Lin Ken, “Thương mại của Singapore, 1819 - 69”, *Tạp chí của Chi nhánh Malayan thuộc Hiệp hội Hoàng gia châu Á*, tập 33, phần 4, 1960, tr. 156.
28. Thông báo về Phân loại thương mại và vận tải biển của Singapore trong những năm 1840 - 1844, tr. 71.
29. “Tường thuật của Crawford”, *Con đường của các vua quan đến Huế*, (London: Archon, 1970), tr. 251.
30. “Tường thuật của Wade” , *Con đường của các vua quan đến Huế*, tr. 326.
31. Wong Lin Ken, *Thương mại của Singapore, 1819 - 69, Tạp chí của Chi nhánh Malayan thuộc Hiệp hội Hoàng gia châu Á*, tập 33, phần 4, 1960, tr. 155.
32. Xem *Mô tả về Đàng Trong, 1749 - 50, Nam VN dưới triều Nguyễn : Tư liệu về lịch sử kinh tế Đàng Trong*, 1602 - 1777, Li Tana & Anthony Reid chủ biên, *Lịch sử kinh tế của Dự án ĐNA, ANU/ Viện Nghiên cứu ĐNA*, Singapore, 1993, tr. 70. Và Li Tana, *Triều Nguyễn Đàng Trong ; Nam Việt Nam thế kỷ XVII & XVIII*, Chương trình Đông Nam Á, ĐH TH Cornell, 1998, Chương 2.
33. Năm 1833, chẳng hạn, “người ta được biết là Vua Minh Mạng đã cống các đồ bát, đĩa và tách của “phương Tây” thông qua một số sứ giả Campuchia đến Huế. Năm 1834, các thầy phù thủy của Jarai đã nhận được đĩa uống trà bằng gốm Tây, và năm 1849, vua Thiệu Trị đã biểu họ các áo jacket ống tay chên” Alexander Woodside, *VN và mối Trung Hoa*, (Massachusetts : Hội đồng Nghiên cứu Đông Á, Đại học Harvard, 1988), tr. 267 - 268.

34. Các giai thoại về Vua Dao Quang) tập 156, trong *Trích lược nguồn lịch sử quan hệ Trung Việt*, (Bắc Kinh : Nxb Zhong Guo she hui ke xue 1982), tr. 613 - 614.
35. "Thư của Lãnh sự thường trú của Toàn quyền của Hoàng tử đảo Wales năm 1845 *Thông báo về Phân loại thương mại và vận tải biển của Singapore trong những năm 1845*, tr. 117.
36. Tác phẩm tốt để nghiên cứu là *Hải trình chí lược* của Phan Huy Chú năm 1833 do Phan Huy Lê dịch thuật và giới thiệu (Pari, 1994). Cũng có ở trong điểm sách của Li Tana, trong *Hải trình Chí lược* (1833), trong *Tạp chí quan hệ Indonesia - Malaysia*, tập 31, 7/1977, tr. 256 - 258.
37. Ví dụ, năm 1841 nhà buôn hàng đầu của Anh quốc ở Bangkok đã dọa bán chiếc tàu hơi nước cho Việt Nam thay vì cho Xiêm do những tranh chấp về gạo. Vua Rama III phản nộ đến mức ông đã trục xuất vị thương gia này, và điều đó đã làm cho buôn bán giữa Singapore và Xiêm bị suy giảm lớn. Đây hẳn là một trong những thảm kịch trong cạnh tranh buôn bán Xiêm - Việt hồi thế kỷ XIX. Xem Anthony Reid. *Giai đoạn mở rộng thương mại mới*, tr. 70.
38. Xem Keith Taylor, *Các cuộc xung đột khu vực giữa các dân tộc Việt thế kỷ XIII đến XIX*, tr. 23.